

Bản án số: **44/2018/DSST**
Ngày 30-10-2018
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Ngọc Chúc**
2. Ông **Ngô rô Be**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLST–DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST–DS ngày 17 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Cẩm H** – sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: số 93, ấp K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Hà Hữu L** – sinh năm 1987 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Chị **Nguyễn Thị Thanh N** – sinh năm 1986 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Cùng địa chỉ: khu phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, chị Phạm Thị Cẩm H trình bày:**

Nguyên trước đây vào ngày 07/5/2016, vợ chồng anh Hà Hữu L, chị

Nguyễn Thị Thanh N có đến nhà chị H hỏi vay số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) để mua bán, hẹn 1 tháng sẽ trả lại cho chị số tiền trên. Nhưng đến hẹn anh L, chị N không trả nợ cho chị H, sau đó chị H có đến nhà đòi nhiều lần nhưng cho đến nay anh L, chị N vẫn không trả nợ cho chị. Khi vay thì hai bên có làm biên nhận viết tay, có anh L và chị N cùng ký tên. Trong quá trình vay thì anh L, chị N đã trả được cho chị H số tiền gốc là 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, chị H yêu cầu anh L, chị N phải trả cho chị một lần số tiền gốc là 93.700.000đ (Chín mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

**** Theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 23/4/2018, chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:***

Vào ngày 07/5/2016 chị và chồng là anh Hà Hữu L có vay của chị H số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Sau thời gian đó vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng chị xin chị H cho trả dần mỗi ngày 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), trả được mười mấy triệu chị không nhớ rõ.

Nay chị Nguyễn Thị Thanh N xác nhận vợ chồng chị có nợ của chị H số tiền là 100.000.000đ. Chị xin được trả dần cho chị H mỗi tháng 2.000.000đ/tháng cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Phạm Thị Cẩm H và anh Hà Hữu L, chị Nguyễn Thị Thanh N là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về thủ tục tố tụng:** Yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Cẩm H được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

Bị đơn anh Hà Hữu L, chị Nguyễn Thị Thanh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh L, chị N vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa chị H yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị N nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Hà Hữu L, chị Nguyễn Thị Thanh N.

- Về nội dung tranh chấp:

[1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Xét thấy khi vay các bên có làm biên nhận, có anh L, chị N cùng ký tên. Theo đó, chị N thừa nhận là vợ chồng anh chị có nợ của chị H số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); tuy nhiên, trong quá trình vay vợ chồng anh chị đã trả cho chị H một số tiền nhưng chị không nhớ cụ thể số tiền là bao nhiêu. Do đó, việc chị H yêu cầu anh L, chị N phải trả cho chị H một lần số tiền là 93.700.000đ (Chín mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi là hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của chị N xin cho vợ chồng anh chị trả dần cho chị H mỗi tháng 2.000.000đ/tháng, nhưng chị H không đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về lãi suất:* Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định về vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Cẩm H, buộc anh Hà Hữu L, chị Nguyễn Thị Thanh N phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị H số tiền là 93.700.000đ (Chín mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của chị Phạm Thị Cẩm H được chấp nhận nên chị H không phải chịu án phí.

Buộc anh Hà Hữu L, chị Nguyễn Thị Thanh N phải nộp án phí là 93.700.000đ x 5% = 4.685.000đ (Bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Cẩm H về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với anh Hà Hữu L, chị Nguyễn Thị Thanh N.

2. Buộc anh Hà Hữu L, chị Nguyễn Thị Thanh N phải trả cho chị Phạm Thị Cẩm H số tiền là 93.700.000đ (*Chín mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. ***Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*** Anh Hà Hữu L, chị Nguyễn Thị Thanh N phải nộp số tiền là: $93.700.000đ \times 5\% = 4.685.000đ$ (*Bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Phạm Thị Cẩm H số tiền là 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007724 ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Hà Hữu L, chị Nguyễn Thị Thanh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo